

Bản án số: 23/2019/HS-ST

Ngày: 17-01-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hàn Hòa Thuận

2. Ông Tạ Quang Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện

kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo sự phân công của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao: Bà Nguyễn Vũ Mai Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 738/2018/HSST ngày 05 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6210/2018/QĐXXST-HS ngày 18/12/2018 đối với:

- Bị cáo:

Trần Diệu C, giới tính: nam; sinh năm 1973 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: 18 Trần Văn C1 (số cũ: 9 L), phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần N; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần B (chết) và con bà Lâm Thị H; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 03 người con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/9/2016 trong một vụ án khác (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Nhân thân: Ngày 15/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (theo Bản án số 276/2018/HSST ngày 15/8/2018) và sau đó có kháng cáo của bị cáo nên vụ án này đang trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

- Người bào chữa:

Luật sư Phạm Thành L và Luật sư Nguyễn Thị Huyền T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, cùng làm việc tại Công ty L6 bào chữa cho bị cáo Trần Diệu C (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1/ Ông Võ Anh D, sinh năm 1965;

2/ Bà Hồ Thị Thu P, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký HKTT: B M, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;住所: 3 N, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Việt H1, sinh năm 1969; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A, ngách A Tổ A, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Đỗ Trung T1, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P Tòa B, chung cư H, B N, T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F N, Ngõ Q, V, Vĩnh Phúc (vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Lê H2, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Đ, T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: P1744, VP6, H, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 18 N, P, B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

6. Bà Lê Thị Cẩm H3, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

7. Ông Diệp Minh S, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A N, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

8. Ông Vũ Tiến T2, sinh năm 1950; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P Nhà B, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

9. Ông Phan Đức P1, sinh năm 1968; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số E Đường số E, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Ngọc T3, sinh năm 1991; nơi đăng ký thường trú: thôn B, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông P1 và bà T3 vắng mặt tại phiên tòa).

10. Ông Hoàng Trọng V1, sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: 248/23/6 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

11. Ông Văn Hữu L1, sinh năm 1974 và bà Trần Hương L2, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: A H, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B P, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (ông L1 vắng mặt tại phiên tòa, bà L2 có mặt tại phiên tòa).

12. Bà Nguyễn Hồng H4, sinh năm 1966; nơi đăng ký thường trú: Số E L, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

13. Bà Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: C Đường số A, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

14. Bà Trần Thị Thùy L3, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: 408/27 N, phường L, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

15. Ông Nguyễn Quốc D2, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: A12/18 Ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

16. Ông Phan Đức P1, sinh năm 1978; nơi đăng ký thường trú: 18 đường số H, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

17. Ông Nguyễn Bá H5, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: A Đ, phường Q, quận B, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

18. Ông Nguyễn Ngọc S1, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: 1 Tổ A Q, quận C, Thành phố Hà Nội (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho đương sự:*

Luật sư Nguyễn Văn B1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty L7 bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Văn Hữu L1 và bà Trần Hương L2 (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua ông Bùi Tấn V2, thì Trần Diệu C biết vợ chồng ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P làm nghề cho thuê xe ô tô tự lái nên Trần Diệu C đã nhiều lần thuê xe ô tô của vợ chồng ông D và mỗi lần thuê xe thì giữa C và ông D sẽ ký hợp đồng thuê xe theo từng năm, khi hết hạn trong hợp đồng thuê xe thì C mang xe cùng giấy tờ xe đến gặp ông D để ký lại hợp đồng. Từ năm 2011 đến năm 2013 việc thuê xe giữa hai bên không phát sinh tranh chấp. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014, thì Trần Diệu C và ông Võ Anh D đã ký lại 03 hợp đồng dưới đây thuê 03 xe ô tô của ông D, cụ thể:

- Ngày 10/5/2014: ký hợp đồng thuê xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 52U-9657, giá thuê là 17.000.000 đồng/tháng.

- Ngày 20/5/2014: ký hợp đồng thuê xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 51A-047.22, giá thuê là 15.000.000 đồng/tháng.

- Ngày 02/7/2014: ký hợp đồng thuê xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54, giá thuê là 22.000.000 đồng/tháng.

Sau khi tái ký 03 hợp đồng thuê 03 xe nêu trên thì Trần Diệu C chỉ sử dụng xe một thời gian ngắn rồi mang các chiếc xe này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi mang xe đi cầm cố, Trần Diệu C nói dối với người nhận cầm cố rằng

xe ô tô là do cổ đông công ty góp vốn vào công ty, nay cần tiền kinh doanh nên đi cầm cố cho người khác và cũng không yêu cầu viết giấy biên nhận cầm cố xe. Mặc dù đã cầm cố cả 03 chiếc xe ô tô nêu trên nhưng hàng tháng C vẫn trả tiền thuê xe cho ông D đến tháng 12/2014 thì không trả tiền nữa. Sau đó, C bỏ trốn, không nghe điện thoại của ông D và liên tục thay đổi chỗ ở, đi thuê nhà ở nhiều nơi tại Thành phố Hồ Chí Minh và Kiên Giang.

Đến đầu tháng 01/2015, khi không thấy Trần Diệu C thanh toán tiền thuê xe thì ông Võ Anh D đã tìm C ở nhiều nơi nhưng không gặp. Đến ngày 21/02/2017, biết C đã bị bắt tạm giam trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông D đã làm đơn tố cáo Trần Diệu C với Cơ quan điều tra Bộ Công an.

Quá trình điều tra đã xác định được việc cầm cố, mua bán đối với 03 chiếc xe ô tô nêu trên cụ thể như sau:

1. Đối với chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 52U-9657:

Vào tháng 8 năm 2014, Trần Diệu C đã đi cầm cố chiếc xe này cho bà Lê Thị Cẩm H3 với giá 300.000.000 đồng nhưng bà H3 không có tiền nên lấy tiền 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ đưa cho C và giao xe ô tô cho bà Đ giữ, sau đó bà Đ đưa xe này cho con trai của bà Đ là ông Diệp Minh S sử dụng.

Đến đầu năm 2016, ông Diệp Minh S có nhu cầu sử dụng xe này để chạy U nên S đã gặp một người đàn ông không rõ lai lịch chuyên làm thủ tục rút hồ sơ xe và nhờ người này làm thủ tục với giá 10.000.000 đồng. Khoảng 15 đến 20 ngày sau thì người đàn ông này báo tin cho Diệp Minh S mang bộ hồ sơ gồm có: Hợp đồng mua bán xe ô tô (bên bán là Võ Anh D với bên mua chính là ông Diệp Minh S) đã được công chứng viên Vũ Tiến T2 của Văn phòng C3 công chứng ngày 16/02/2016, Giấy khai sang tên di chuyển xe và Đơn có mất hồ sơ gốc của xe ô tô 52U-9657 đến Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố H để làm thủ tục đăng ký xe, bấm biển số xe. Ngày 08/3/2016, chiếc xe này đã được cấp biển kiểm soát mới là 30A-977.85 cho ông Diệp Minh S.

Sau khi xe đã có Giấy đăng ký xe đứng tên mình thì Diệp Minh S đã cầm cố chiếc xe này cho ông Nguyễn Bá H5 (chủ cửa hàng cầm đồ tại A phố Đ, phường Q, B, Hà Nội) với số tiền 565.000.000 đồng. Do quá thời hạn mà không thấy Diệp Minh S đến trả tiền nên ông Nguyễn Bá H5 đã bán xe bằng giấy tay cho ông Nguyễn Ngọc S1, ngụ tại quận C, Thành phố Hà Nội với giá 580.000.000 đồng, nhưng chưa làm thủ tục sang tên xe thì đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 819/C54-P5 ngày 25/02/2018 của V4 Bộ Công an kết luận: không phải chữ ký của anh Diệp Minh S trên Đơn có mất hồ sơ xe ô tô và không xác định có phải chữ ký của ông Võ Anh D trên Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 16/02/2016 đã được ông Vũ Tiến T2 là công chứng viên của Văn phòng C3 công chứng ngày 16/02/2016. Cơ quan điều tra không xác định được người đã làm giả bộ hồ sơ đăng ký xe cho anh Diệp Minh S.

2. Đối với chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54:

Vào tháng 7/2014, Trần Diệu C đã mang chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54 đi cầm cố cho bà Trần Thị Thùy L3, địa chỉ tại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 9/2014, bà L3 đã cầm cố chiếc xe này cho ông Nguyễn Quốc D2, nhà ở quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Tháng 10/2014, ông D2 tiếp tục cầm cố chiếc xe này cho ông Phan Đức P1, nhà ở Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Đến tháng 9/2017, ông P1 đã bán chiếc xe này cho ông Lê H2, trú tại quận H, Thành phố Hà Nội với giá 360.000.000 đồng.

Ông H2 sau khi mua xe từ ông P1 thì thông qua mạng xã hội ông đã biết một người tên là Nguyễn Văn T4 làm thủ tục rút hồ sơ, sang tên di chuyển xe nên ông H2 đã thuê T4 làm thủ tục với giá 50.000.000 đồng. Trong khi chờ Trần làm thủ tục thì ngày 26/10/2017, ông Lê H2 bán chiếc xe cho ông Nguyễn Ngọc V, địa chỉ tại F N, phường N, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 600.000.000 đồng. Tiếp đến, ngày 28/10/2017, ông Ngọc V bán chiếc xe này cho ông Đỗ Trung T1, trú tại quận T, Thành phố Hà Nội với giá 613.000.000 đồng. Việc mua bán xe từ ông H2 sang ông Ngọc V và từ ông V sang ông T1 chưa ký Hợp đồng công chứng theo quy định. Để làm hợp đồng công chứng, ông Lê H2 hỏi ông Ngọc V cần sang tên cho ai trong hợp đồng thì cung cấp thông tin và ông Ngọc V đã cung cấp thông tin người đứng tên là ông Đỗ Trung T1. Từ đó ông Lê H2 liên lạc với Nguyễn Văn T4 và yêu cầu Nguyễn Văn T4 đưa tên ông T1 vào bên mua trong hợp đồng mua bán.

Đến đầu tháng 11/2017, Nguyễn Văn T4 thông báo cho Lê H2 biết đã làm được hợp đồng mua bán xe ngày 23/10/2017, bên bán là ông Võ Anh D, bên mua là ông Nguyễn Văn T4, ký tại Văn phòng C4 do công chứng viên Vũ Đỗ H6 ký và đã rút được hồ sơ. Ngày 09/11/2017, Nguyễn Văn T4 đã lập hợp đồng mua bán xe giữa bên bán là Nguyễn Văn T4, bên mua là Đỗ Trung T1, ký tại Văn phòng C4, do công chứng viên Phạm Văn T5 ký. Ngày 16/11/2017, ông Đỗ Trung T1 bán chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Việt H1 với số tiền là 672.000.000 đồng, đến ngày 17/11/2017, ông T1 đã sử dụng hợp đồng mua bán xe ký ngày 09/11/2017 để các bên lập hợp đồng mua bán xe tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T6 (bên bán là ông T1, bên mua là ông H1), do công chứng viên Nguyễn Văn T6 ký. Cùng ngày, Nguyễn Việt H1 đã đến Phòng C Công an H7 làm thủ tục đăng ký xe và đã được cấp biển kiểm soát mới là 30E-536.83 (hiện chiếc xe đã bị Công an tạm giữ).

Quá trình điều tra đã xác định: Văn phòng C4 chỉ có 02 công chứng viên là Nguyễn Hữu T7 và Đặng Thanh S2, không có công chứng viên tên Vũ Đỗ H6 và Phạm Văn T5; trong ngày 23/10/2017 Văn phòng cũng không công chứng hợp đồng mua bán xe giữa ông Võ Anh D với ông Nguyễn Văn T4 và ngày 09/11/2017, văn phòng cũng không công chứng hợp đồng mua bán xe giữa ông Nguyễn Văn T4 và ông Đỗ Trung T1. Đồng thời, địa chỉ thực tế của Văn phòng C4 với địa chỉ thể hiện trên 02 hợp đồng cũng có sự khác biệt.

Đối với Nguyễn Văn T4, qua xác minh tại Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh Đ thì không có hồ sơ lưu mang tên Nguyễn Văn T4 với

số chứng minh nhân dân 246968272; kết quả xác minh tại công an xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thì trên địa bàn có một người tên Nguyễn Văn T4, sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 240968272, hành nghề lái xe tải; và theo lời khai của ông T4 thì ông không có liên quan đến 02 hợp đồng mua bán trên.

Theo kết quả giám định đối với 02 hợp đồng mua bán xe ngày 23/10/2017 và ngày 09/11/2017 thì có kết quả hình dấu tròn có nội dung “Văn phòng C4” trên 02 hợp đồng này với mẫu so sánh không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Đối với chiếc xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 51A-047.22:

Vào khoảng tháng 8/2014, Trần Diệu C đã mang chiếc xe nêu trên đi cầm cố tại một salon ô tô trên đường A với số tiền 200.000.000 đồng nhưng C không nhớ địa chỉ và chủ tên của salon ô tô.

Vào cuối năm 2015, ông Hoàng Trọng V1, ngụ tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã mua chiếc xe này tại một salon ô tô trên đường A, Quận E với giá 500.000.000 đồng nhưng ông cũng không nhớ chính xác tên, địa chỉ. Sau đó, đến ngày 12/4/2016, ông V1 đã thông qua ông Lê Tấn T8 để bán chiếc xe này cho ông Văn Hữu L1, trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng bằng giấy tay. Đến ngày 14/4/2016, Công chứng viên Nguyễn Hồng H4 của Văn phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh đã công chứng một hợp đồng ủy quyền đối với chiếc xe này. Theo đó, bên ủy quyền là ông Võ Văn D3 và bà Hồ Thị Thu P, còn bên được ủy quyền là bà Trần Hương L2 (bà L2 là vợ của ông Văn Hữu L1). Tiếp sau đó, ngày 19/4/2016, bà Trần Hương L2 đã sử dụng hợp đồng ủy quyền nêu trên để đại diện ông D3, bà P bán chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc D1, trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 610.000.000 đồng, hai bên đã lập hợp đồng mua bán xe ô tô và công chứng tại Văn phòng C6. Ngày 20/4/2016, bà D1 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe do bà đứng tên.

Đến ngày 01/11/2016, bà D1 cùng với chồng là ông Nguyễn Quốc V3 đã bán chiếc xe trên cho ông Phan Quốc P2, ngụ tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 580.000.000 đồng. Việc mua bán này được thực hiện tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị T9 và sau đó ông P2 đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên ông. Hiện nay chiếc xe đã bị cơ quan công an tạm giữ.

Theo Kết luận giám định đối với hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2016 thì chữ ký Võ Anh D, Hồ Thị Thu P trên Hợp đồng ủy quyền so với mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Về phía ông Văn Hữu L1 và bà Trần Hương L2 xác nhận có nhờ ông Lê Tấn T8 làm thủ tục công chứng nhưng không biết T8 đã làm thế nào để có hợp đồng nêu trên.

Đối với 03 chiếc xe trên Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh có kết luận định giá tài sản số 1880/STC-HĐGTS-BVG kết luận: tại thời điểm tháng 8/2014, xe ô tô Toyota Fortuner biển số 52U-9657 có giá trị 671.333.000 đồng, xe ô tô Toyota Inova biển số 51A-047.22 có giá trị

607.683.000 đồng và xe ô tô Toyota Fortuner biển số 51A-555.54 có giá trị là 875.583.000 đồng, tổng giá trị của 03 chiếc xe ô tô là 2.154.599.000 đồng.

Theo Cáo trạng số 86/CT-VKSTC-V3 ngày 14/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố bị cáo Trần Diệu C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Diệu C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã thể hiện.

- Bị hại là ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P đề nghị Hội đồng xét xử cho ông bà nhận lại 03 chiếc xe ô tô mà bị cáo Trần Diệu C đã thuê của ông bà rồi mang đi cầm cố, đồng thời bà P cũng yêu cầu được nhận số tiền 700.000.000 đồng mà bà Nguyễn Hồng H4, ông Vũ Tiến T2 và ông Lê H2 đã nộp để khắc phục hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội: Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 12 năm đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại 03 chiếc xe ô tô cho bị hại là ông D, bà P và giải quyết việc bồi thường, xử lý vật chứng khác theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Phạm Thành L bào chữa cho bị cáo Trần Diệu C đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố đối với bị cáo C. Tuy nhiên, Luật sư cũng cho rằng giá trị 03 chiếc xe ô tô của bị hại theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự là cao so với giá trị thực tế của 03 chiếc xe; bị cáo C đã cố gắng tìm cách chuộc lại xe đã cầm cố để trả lại cho bị hại nhưng do 03 chiếc xe này đã bị những người nhận cầm cố xe từ bị cáo tháo các thiết bị định vị nên bị cáo không thể thu hồi được xe. Đồng thời, Luật sư cũng đưa ra một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tích cực phối hợp với cơ quan điều tra để vụ án kết thúc điều tra được nhanh chóng; hoàn cảnh hiện nay của bị cáo rất khó khăn, bị cáo bị nhiều bệnh, đang phải nhập viện điều trị bệnh là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Luật sư L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 chuyển khung hình phạt từ khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xuống khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C. Ngoài ra, Luật sư L cũng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy các hợp đồng mua bán, ủy quyền giữa các bên liên quan, trả lại 03 chiếc xe ô tô cho bị hại; xem xét lại về số tiền mà bị cáo thu lợi bất chính là 850.000.000 đồng chứ

không phải là 1.000.000.000 đồng; đồng thời kiến nghị các cơ quan tố tụng xử lý những người đã nhận cầm cố, mua bán đối với 03 chiếc xe ô tô nêu trên.

- Luật sư Nguyễn Thị Huyền T bào chữa cho bị cáo Trần Diệu C cũng đồng ý với quan điểm của luật sư Phạm Thành L, đồng thời Luật sư T cũng đề nghị cho bị hại được nhận số tiền 700.000.000 đồng mà những người liên quan đã nộp khắc phục hậu quả. Ngoài ra, Luật sư T cũng đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị các cơ quan tố tụng xử lý hình sự những người đã nhận cầm cố, mua bán đối với 03 chiếc xe ô tô nêu trên.

- Luật sư Nguyễn Văn B1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn L4 và bà Trần Hương L2 trình bày rằng việc Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm xuất cảnh đối với bà Nguyễn Hương L5, nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện có Quyết định này, sau khi bà L5 gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan tố tụng thì Cơ quan điều tra mới có văn bản hủy bỏ biện pháp này đối với bà L5. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Thủ trưởng Cơ quan điều tra xử lý hành vi này của những người liên quan.

- Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng Hội đồng định giá đã tiến hành định giá theo đúng quy định của pháp luật nên lập luận của luật sư L cho rằng việc định giá chưa thỏa đáng là không có cơ sở. Về việc luật sư L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không phù hợp vì bị cáo C không chỉ có hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” trong vụ án này mà bị cáo còn thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với số tiền chiếm đoạt là rất lớn, vụ án này được tách ra từ vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” vì khi kết thúc điều tra vụ án thì chưa có kết luận định giá đối với 03 chiếc xe ô tô, do đó vụ án này mới kết thúc điều tra sớm vì được điều tra cùng trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chứ không phải do sự hợp tác điều tra của bị cáo. Vì vậy, đề nghị của Luật sư về việc áp dụng quy định tại điểm t khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là không có cơ sở. Đối với đề nghị của Luật sư L và Luật sư Huyền T về việc kiến nghị xử lý hành vi của người liên quan thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, nếu xét thấy có căn cứ thì chấp nhận đề nghị này của các Luật sư. Từ đó, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội và mức hình phạt đã đề nghị đối với bị cáo.

Tại phần lời nói sau cùng, bị cáo Trần Diệu C xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Bộ Công an**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các luật sư bào chữa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Theo lời khai nhận của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định, kết luận định giá cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Trần Diệu C biết vợ chồng ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P làm nghề cho thuê xe ô tô tự lái nên Trần Diệu C đã nhiều lần thuê xe ô tô của vợ chồng ông D và mỗi lần thuê xe thì giữa C và ông D sẽ ký hợp đồng thuê xe theo từng năm, khi hết hạn trong hợp đồng thuê xe thì C mang xe cùng giấy tờ xe đến gặp ông D để ký lại hợp đồng. Từ năm 2011 đến năm 2013 việc thuê xe giữa hai bên không phát sinh tranh chấp. Trong khoảng thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014, thì Trần Diệu C và ông Võ Anh D đã ký lại 03 hợp đồng thuê 03 xe ô tô là xe Toyota Fortuner, biển kiểm soát 52U-9657, xe Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54 và xe Toyota Inova, biển kiểm soát 51A-047.22 của ông D.

Sau khi tái ký 03 hợp đồng thuê 03 xe nêu trên thì Trần Diệu C chỉ sử dụng xe một thời gian ngắn rồi mang các chiếc xe này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, tiếp sau đó 03 chiếc xe này được mua bán, cầm cố, cụ thể như sau:

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 52U-9657:

Vào tháng 8 năm 2014, Trần Diệu C đã đi cầm cố chiếc xe này cho bà Lê Thị Cẩm H3 với giá 300.000.000 đồng nhưng bà H3 không có tiền nên lấy tiền 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ đưa cho C và giao xe ô tô cho bà Đ giữ, sau đó bà Đ đưa xe này cho con trai của bà Đ là ông Diệp Minh S sử dụng.

Đến đầu năm 2016, ông Diệp Minh S có nhu cầu sử dụng xe này để chạy U nên S đã gặp một người đàn ông không rõ lai lịch chuyên làm thủ tục rút hồ sơ xe và nhờ người này làm thủ tục với giá 10.000.000 đồng. Khoảng 15 đến 20 ngày sau thì người đàn ông này báo tin cho Diệp Minh S mang bộ hồ sơ gồm có Hợp đồng mua bán xe ô tô (bên bán là Võ Anh D với bên mua chính là ông Diệp Minh S) đã được công chứng viên Vũ Tiến T2 của Văn phòng C3 công chứng ngày 16/02/2016, Giấy khai sang tên di chuyển xe và Đơn có mất hồ sơ gốc của xe ô tô 52U-9657 đến Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố H để làm thủ tục đăng ký xe, bấm biển số xe. Ngày 08/3/2016, chiếc xe này đã được cấp biển kiểm soát mới là 30A-977.85 cho ông Diệp Minh S.

Sau khi xe đã có Giấy đăng ký xe đứng tên mình thì Diệp Minh S đã cầm cố chiếc xe này cho ông Nguyễn Bá H5 (chủ cửa hàng cầm đồ tại A phố Đ, phường Q, B, Hà Nội) với số tiền 565.000.000 đồng. Do quá thời hạn mà không thấy Diệp Minh S đến trả tiền nên ông Nguyễn Bá H5 đã bán xe bằng giấy tay cho ông Nguyễn Ngọc S1, ngụ tại quận C, Thành phố Hà Nội với giá 580.000.000 đồng,

nhưng chưa làm thủ tục sang tên xe thì đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ C2 thu giữ.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54:

Vào tháng 7/2014, Trần Diệu C đã mang chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54 đi cầm cố cho bà Trần Thị Thùy L3, địa chỉ tại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 9/2014, bà L3 đã cầm cố chiếc xe này cho ông Nguyễn Quốc D2, nhà ở quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Tháng 10/2014, ông D2 tiếp tục cầm cố chiếc xe này cho ông Phan Đức P1, nhà ở Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng. Đến tháng 9/2017, ông P1 đã bán lại chiếc xe này cho ông Lê H2, trú tại quận H, Thành phố Hà Nội với giá 360.000.000 đồng.

Ông H2 sau khi mua xe từ ông P1 thì thông qua mạng xã hội ông đã biết một người tên là Nguyễn Văn T4 làm thủ tục rút hồ sơ, sang tên di chuyển xe nên ông H2 đã thuê T4 làm thủ tục với giá 50.000.000 đồng. Trong khi chờ Trần làm thủ tục thì ngày 26/10/2017, ông Lê H2 bán chiếc xe cho ông Nguyễn Ngọc V, địa chỉ tại phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 600.000.000 đồng. Tiếp đến, ngày 28/10/2017, ông Ngọc V bán chiếc xe này cho ông Đỗ Trung T1, trú tại quận T, Thành phố Hà Nội với giá 613.000.000 đồng. Việc mua bán xe từ ông H2 sang ông Ngọc V và từ ông V sang ông T1 chưa ký Hợp đồng công chứng theo quy định). Để làm hợp đồng công chứng, ông Lê H2 hỏi ông Ngọc V cần sang tên cho ai trong hợp đồng thì cung cấp thông tin và ông Ngọc V đã cung cấp thông tin người đứng tên là ông Đỗ Trung T1. Từ đó ông Lê H2 liên lạc với Nguyễn Văn T4 và yêu cầu Nguyễn Văn T4 đưa tên ông T1 vào bên mua trong hợp đồng mua bán.

Đến đầu tháng 11/2017, Nguyễn Văn T4 thông báo cho Lê H2 biết đã làm được hợp đồng mua bán xe ngày 23/10/2017, bên bán là ông Võ Anh D, bên mua là ông Nguyễn Văn T4, ký tại Văn phòng C4 do công chứng viên Vũ Đỗ H6 ký và đã rút được hồ sơ. Ngày 09/11/2017, Nguyễn Văn T4 đã lập hợp đồng mua bán xe giữa bên bán là Nguyễn Văn T4, bên mua là Đỗ Trung T1, ký tại Văn phòng C4, do công chứng viên Phạm Văn T5 ký. Ngày 17/11/2017, ông Đỗ Trung T1 đã sử dụng hợp đồng mua bán xe ký ngày 09/11/2017 để bán tiếp chiếc xe này cho ông Nguyễn Việt H1 với số tiền là 672.000.000 đồng tại Văn phòng C7 (bên bán là ông T1, bên mua là ông H1). Cùng ngày 17/11/2017, Nguyễn Việt H1 đã đến Phòng C Công an H7 làm thủ tục đăng ký xe và đã được cấp biển kiểm soát mới là 30E-536.83 (hiện chiếc xe đã bị Công an tạm giữ).

Quá trình điều tra đã xác định: Văn phòng C4 chỉ có 02 công chứng viên là Nguyễn Hữu T7 và Đặng Thanh S2, không có công chứng viên tên Vũ Đỗ H6 và Phạm Văn T5; trong ngày 23/10/2017 Văn phòng cũng không công chứng hợp đồng mua bán xe giữa ông Võ Anh D với ông Nguyễn Văn T4 và ngày 09/11/2017, văn phòng cũng không công chứng hợp đồng mua bán xe giữa ông Nguyễn Văn T4 và ông Đỗ Trung T1. Và ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 240968272, hành nghề lái xe tải và ông T4 không có liên quan đến 02 hợp đồng mua bán trên.

Đối với chiếc xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 51A-047.22:

Vào khoảng tháng 8/2014, Trần Diệu C đã mang chiếc xe nêu trên đi cầm cố tại một salon ô tô trên đường A với số tiền 200.000.000 đồng nhưng C không nhớ địa chỉ và chủ tên của salon ô tô.

Vào cuối năm 2015, ông Hoàng Trọng V1, ngụ tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã mua chiếc xe này tại một salon ô tô trên đường A, Quận E với giá 500.000.000 đồng nhưng ông cũng không nhớ chính xác tên, địa chỉ. Sau đó, đến ngày 12/4/2016, ông V1 đã thông qua ông Lê Tấn T8 để bán chiếc xe này cho ông Văn Hữu L1, trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 500.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng bằng giấy tay. Đến ngày 14/4/2016, Công chứng viên Nguyễn Hồng H4 của Văn phòng C5, Thành phố Hồ Chí Minh đã công chứng một hợp đồng ủy quyền đối với chiếc xe này. Theo đó, bên ủy quyền là ông Võ Văn D3 và bà Hồ Thị Thu P, còn bên được ủy quyền là bà Trần Hương L2 (bà L2 là vợ của ông Văn Hữu L1). Tiếp sau đó, ngày 19/4/2016, bà Trần Hương L2 đã sử dụng hợp đồng ủy quyền nêu trên để đại diện ông D3, bà P bán chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị Ngọc D1, trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 610.000.000 đồng, hai bên đã lập hợp đồng mua bán xe ô tô và công chứng tại Văn phòng C6. Ngày 20/4/2016, bà D1 đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe do bà đứng tên và đến ngày 01/11/2016, bà D1 đã bán chiếc xe trên cho ông Phan Quốc P2, với giá 580.000.000 đồng. Sau đó ông P2 đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên ông. Hiện nay chiếc xe đã bị cơ quan công an tạm giữ.

Theo Kết luận giám định đối với hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2016 thì chữ ký Võ Anh D, Hồ Thị Thu P trên Hợp đồng ủy quyền so với mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Theo kết quả định giá đối với 03 xe ô tô trên vào thời điểm tháng 8/2014, thì xe ô tô Toyota Fortuner biển số 52U-9657 có giá trị 671.333.000 đồng, xe ô tô Toyota Inova biển số 51A-047.22 có giá trị 607.683.000 đồng và xe ô tô Toyota Fortuner biển số 51A-555.54 có giá trị là 875.583.000 đồng. Tổng giá trị của 03 chiếc xe ô tô là 2.154.599.000 đồng.

Với hành vi nêu trên của Trần Diệu C thì đã hoàn toàn đủ cơ sở xác định bị cáo C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018 nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để truy tố, xét xử bị cáo. Nhưng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” có mức hình phạt là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, hoặc tù chung thân. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thì có mức hình phạt là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm. So sánh mức hình phạt theo các Điều luật tương ứng nêu trên thì mức hình phạt được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có lợi hơn cho người phạm tội. Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, thì áp dụng

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Như vậy, trong trường hợp này bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Viện kiểm sát nhân dân Tối cao truy tố bị cáo theo điều, khoản nêu trên là hoàn toàn có cơ sở.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an của xã hội nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm mới bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo C có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bản thân bị cáo C đang bị nhiều bệnh, thường xuyên phải nhập viện điều trị nên cũng cần xem xét tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Luật sư L đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo C được hưởng tình tiết giảm nhẹ là bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra. Xét thấy, lời đề nghị của Luật sư là không có cơ sở vì hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với 03 chiếc xe ô tô nêu trên được khởi tố và điều tra trong cùng vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách hành vi này để giải quyết trong vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên trong trường hợp này bị cáo không thể được hưởng tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của Luật sư.

Mặc dù bị cáo Trần Diệu C có các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên nhưng với hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả xảy ra thì cần phải áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Bản thân bị cáo Trần Diệu C trước đây vào ngày 15/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên phạt tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 276/2018/HSST ngày 15/8/2018 nhưng bản án này chưa có hiệu lực pháp luật nên chưa thể tổng hợp hình phạt đối với bị cáo được. Sau này khi các bản án có hiệu lực pháp luật thì sẽ tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về số tiền bị cáo Trần Diệu C thu lợi bất chính trong việc cầm cố 03 chiếc xe của ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P thì bị cáo trình bày rằng bị cáo cầm cố chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 52U-9657 cho bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 300.000.000 đồng, cầm cố chiếc xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 51A-047.22 tại một salon ô tô trên đường A với số tiền 200.000.000 đồng và bị cáo đã nhận đủ số tiền trên, riêng chiếc xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54 bị cáo cầm cố cho bà Trần Thị Thùy L3 với số tiền là

500.000.000 đồng nhưng bị cáo chỉ mới nhận số tiền 350.000.000 đồng, số tiền còn lại thì bị cáo chưa nhận, nên xác định tổng số tiền bị cáo đã thu lợi bất chính là 850.000.000 đồng, đồng thời cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với chiếc xe ô tô biển số 30A-977.85, do ông Diệp Minh S đứng tên sở hữu, qua điều tra thì chiếc xe này có biển số cũ là 52U-9657 là tài sản của vợ chồng ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P do ông Võ Anh D đứng tên sở hữu, việc Trần Diệu C thuê xe của ông D rồi đi cầm cố chiếc xe này cho người khác và cuối cùng là ông Minh S đứng tên sở hữu xe, tiếp đến Minh S cầm cố xe cho ông Nguyễn Bá H5 và quá thời hạn thì ông H5 bán xe cho ông Nguyễn Ngọc S1, nhưng chưa qua công chứng. Xét chiếc xe này là tang vật của vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu ban đầu là ông D và bà P (có kèm theo chìa khóa xe).

Ông Nguyễn Ngọc S1 là người mua xe bằng giấy tay sau cùng và ông Nguyễn Ngọc S1 có yêu cầu nhận số tiền 50.000.000 đồng mà ông Vũ Tiến T2 đã nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, ngoài ra ông Nguyễn Ngọc S1 không có yêu cầu nào khác. Về phía ông Vũ Tiến T2 là công chứng viên ký hợp đồng mua bán xe giữa ông D với ông Diệp Minh S, và quá trình điều tra xác định việc ký hợp đồng này là sai, nên ông T2 đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả, nhưng ông cũng yêu cầu Tòa án giải quyết việc bồi thường theo quy định pháp luật. Xét thấy hậu quả ở đây là thiệt hại phát sinh trực tiếp từ hợp đồng mà ông T2 đã ký với tư cách là công chứng viên, trong trường hợp này ông Nguyễn Ngọc S1 chỉ là người mua xe bằng giấy tay (chưa qua công chứng) từ ông Nguyễn Bá H5, ông T2 không công chứng hợp đồng này. Tại phiên tòa ngày hôm nay vắng mặt ông T2 nên không có điều kiện xác định ý chí của ông T2 về việc có đồng ý bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc S1 là người mua xe bằng giấy tay hay không. Do vậy, cần tách phần dân sự của ông Nguyễn Ngọc S1 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà ông T2 đã nộp cần trả lại cho ông T2 để giải quyết trong vụ án khác (nếu có). Ông Vũ Tiến T2 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ với Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

- Đối với chiếc xe ô tô biển số 30E-536.83 do ông Nguyễn Việt H1 đứng tên sở hữu, qua điều tra thì chiếc xe này có biển số cũ là 52U-9657 là tài sản của vợ chồng ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P, do ông Võ Anh D đứng tên sở hữu, việc Trần Diệu C thuê xe của ông D rồi cầm cố chiếc xe này cho người khác và sau cùng thì ông H1 là người mua xe và đứng tên xe, nay ông H1 đồng ý giao xe chủ cũ là ông D. Xét chiếc xe này là tang vật của vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu ban đầu là ông D và bà P (có kèm theo chìa khóa xe).

Ngày 09/11/2018, ông Nguyễn Việt H1, ông Nguyễn Ngọc V, ông Đỗ Trung T1 và ông Lê H2 đã thỏa thuận, thống nhất về việc bồi thường xe. Theo đó, ông V đã bồi thường cho ông H1 số tiền 20.000.000 đồng, ông T1 đã bồi thường cho ông H1 số tiền 80.000.000 đồng và ông H2 đã bồi thường số tiền 200.000.000

đồng cho ông H1, tổng cộng là 300.000.000 đồng. Ngoài ra ông H1 và ông H2 còn thỏa thuận về việc ông H1 được nhận thêm 150.000.000 đồng từ số tiền mà ông Lê H2 đã nộp cho cơ quan điều tra trước đây. Xét thấy, việc thỏa thuận nêu trên là tự nguyện và số tiền 150.000.000 đồng mà ông H2, ông H1 thỏa thuận như trên cũng là tự nguyện, không trái pháp luật, nghĩ nên ghi nhận. Ông Nguyễn Việt H1 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

- Đối với chiếc xe ô tô biển số 51A-047.22 do ông Phan Đức P1 (sinh năm 1968) đứng tên sở hữu, qua điều tra thì chiếc xe này là tài sản của vợ chồng ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P, do bà Hồ Thị Thu P đứng tên sở hữu và ông Phan Đức P1 là người mua và đứng tên đối với chiếc xe ô tô này. Xét thấy chiếc xe này là tang vật của vụ án nên cần trả lại cho chủ sở hữu ban đầu là ông D và bà P (có kèm theo chìa khóa xe).

Ngày 22/12/2018, ông Hoàng Trọng V1 và bà Nguyễn Hồng H4 đã thống nhất bồi thường và ông Phan Đức P1 đồng ý nhận bồi thường cho chiếc xe là 500.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa ông P1, ông V1 và bà H4 là tự nguyện, không vi phạm pháp luật và việc bồi thường các bên đã thực hiện xong. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà bà H4 đã nộp tại Cơ quan điều tra trước đây nhằm khắc phục hậu quả cho ông P1, nay bà H4 và ông V1 đã bồi thường xong cho ông P1 nên cần trả lại cho bà H4 toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng này. Bà Nguyễn Hồng H4 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ với Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa, ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P yêu cầu nhận lại 03 chiếc xe ô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Ngoài ra, bà P lại có yêu cầu được nhận số tiền 700.000.000 đồng mà bà Nguyễn Hồng H4, ông Vũ Tiến T2 và ông Lê H2 đã nộp trước đây tại Cơ quan điều tra. Xét thấy yêu cầu này của bà Hồ Thị Thu P là không có cơ sở chấp nhận vì bà H4 tạm nộp số tiền 500.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả cho người mua xe là ông P1, tương tự thì ông T2 nộp 50.000.000 đồng và ông H2 nộp 150.000.000 đồng để khắc phục hậu quả liên quan đến các Hợp đồng mua bán xe. Do vậy, bà H4, ông T2 và ông H2 hoàn toàn không gây thiệt hại cho ông D và bà P nên họ không có trách nhiệm bồi thường cho ông D và bà P.

Đối với những người liên quan trong quá trình cầm cố xe ô tô, mua bán 03 chiếc xe ô tô nêu trên, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Đối với 03 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên ông Diệp Minh S, Nguyễn Việt H1, Phan Đức P1; 03 giấy chứng nhận kiểm định xe và 02 chiếc xe do ông Minh S, ông Việt H1 đứng tên đã được thay đổi biển kiểm soát. Xét thấy 03 chiếc xe ô tô là tang vật của vụ án cần trả lại cho chủ sở hữu cũ nên 03 giấy chứng nhận đăng ký xe, 02 biển kiểm soát xe và 03 giấy chứng nhận kiểm định xe nêu trên không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Ông D, bà P có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển kiểm soát mới tương ứng với các xe được nhận lại.

- Đối với 03 chìa khóa xe là tài sản gắn liền với 03 chiếc xe ô tô nên cần trả lại cho chủ sở hữu của 03 chiếc xe là ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P.

[7] Đối với đối tượng đã được Diệp Minh S thuê người khác làm thủ tục đăng ký sang tên và người này đã cung cấp Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 16/02/2016 giữa bên bán là ông D và bên mua là ông Diệp Minh S, nhưng Diệp Minh S vẫn sử dụng hợp đồng giả này để nộp hồ sơ đăng ký xe, bấm biển số xe, nhận giấy chứng nhận đăng ký xe. Do vậy mặc dù Diệp Minh S không phải là người là giả hợp đồng mua bán xe, nhưng S là sử dụng hợp đồng giả này nộp cho Phòng C, nên Minh S có dấu hiệu phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức”.

Đối với Đỗ Trung T1, là người mua xe ô tô Toyota Fortuner, biển kiểm soát 51A-555.54 thông qua nhiều người khác mua bán trước đó, nhưng bản thân ông không đến Văn phòng C4 để ký tên vào hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/11/2017, nhưng chính ông lại sử dụng đúng hợp đồng này đến Văn phòng công chứng Nguyễn Văn T6 (tại Hà Nội) đến ký tên bán lại xe ô tô cho ông Nguyễn Việt H1 với giá 672.000.000 đồng. Như vậy, ông T1 đã sử dụng hợp đồng giả đến bán lại xe ô tô cho người khác và nhận số tiền 672.000.000 đồng, nên đã có dấu hiệu phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Mặc dù hậu quả về chiếc xe này đã được các bên tự thỏa thuận như nêu trên, nhưng điều này không loại trừ trách nhiệm hình sự của ông Đỗ Trung T1.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ hành vi của Diệp Minh S, Đỗ Trung T1. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn giữ nguyên quan điểm, không xử lý đối với Minh S, T. Căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra để khởi tố đối với Diệp Minh S, Đỗ Trung T1 theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với công chứng viên Vũ Tiến T2 là người ký công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô biển số kiểm soát: 52U-9657, qua giám định thì không xác định chữ ký bên bán là của ông D. Qua điều tra xác định lỗi của ông T2 là lỗi vô ý và ông cũng tự nguyện nộp 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả và trong hồ sơ vụ án này không thấy ông Nguyễn Bá H5 là người cầm cố xe yêu cầu thiệt hại, còn đối với ông Ngọc S1 là người mua xe sau cùng (mua xe bằng giấy tay chưa qua công chứng) chỉ yêu cầu nhận đúng 50.000.000 đồng mà ông T2 đã nộp ngoài ra ông Ngọc S1 không yêu cầu gì thêm. Như vậy, mặc dù chưa thể giải quyết cho ông Ngọc S1 được nhận 50.000.000 đồng vì việc mua bán giữa ông S1 và ông H5 chưa đúng quy định, nhưng về phía ông T2 vì phạm do lỗi vô ý và tự nguyện bồi thường và Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với ông T2 nên Tòa không xét.

[9] Đối với công chứng viên Nguyễn Hồng H4 là người ký công chứng hợp đồng ủy quyền đối với xe ô tô biển số kiểm soát: 51A-047.22, sau khi có hợp đồng ủy quyền này thì người được ủy quyền đã sử dụng hợp đồng ủy quyền bán lại chiếc xe này cho người khác. Qua giám định thì đã kết luận ông D và bà P không ký vào hợp đồng ủy quyền nêu trên. Qua điều tra xác định lỗi của bà H4 là lỗi vô

ý, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý hình sự đối với bà H4 và trong quá trình chuẩn bị xét xử thì bà H4 cùng với ông V1 đã tự nguyện bồi thường cho người mua xe sau cùng là ông Phan Đức P1 số tiền 500.000.000 đồng và ông P1 có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với ông V1, bà H4 nên Hội đồng xét xử nhận thấy việc không xử lý hình sự đối với bà H4 là hợp lý.

[10] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, một phần lời trình bày của các Luật sư, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Diệu C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Trần Diệu C** 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2016.

- Áp dụng Điều 604; Điều 605; Điều 606; Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Buộc Trần Diệu C phải nộp số tiền 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho ông Võ Anh D và bà Hồ Thị Thu P:

- 01 (một) chiếc xe ô tô màu sơn đen, số máy 2TR6756232, số khung RL4XY59GX99001078;

- 01 (một) chiếc xe ô tô màu sơn bạc, số máy 2TR7577363, số khung RL4Z69GXD9004050;

- 01 (một) chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51A-047.22, màu sơn nâu vàng, số máy 1TR7053395, số khung RL4XW43G9B9302948;

- 03 (ba) cái chìa khóa;

(03 chiếc xe ô tô đều không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

Ông D, bà P có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và biển kiểm soát mới tương ứng với các xe được nhận lại.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê H2 bồi thường thêm cho ông Nguyễn Việt H1 số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Việc bồi

thường này được thực hiện bằng cách trích số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) trong số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) mà Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng đã chuyển cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Ủy nhiệm chi không số ngày 10/7/2018 để thanh toán cho ông Nguyễn Việt H1. Ông Nguyễn Việt H1 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

+ Trích số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trong số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) mà Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng đã chuyển cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Ủy nhiệm chi không số ngày 10/7/2018 để trả lại cho bà Nguyễn Hồng H4. Bà Nguyễn Hồng H4 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

+ Trích số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) trong số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) mà Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và tham nhũng đã chuyển cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Ủy nhiệm chi không số ngày 10/7/2018 để trả lại cho ông Vũ Tiến T2. Ông Vũ Tiến T2 có quyền căn cứ vào bản án này liên hệ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận số tiền nêu trên.

+ Tịch thu tiêu hủy đối với:

- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 209896;
- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 347678;
- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 215986;
- 01 (một) cái biển kiểm soát 30E-536.83;
- 01 (một) cái biển kiểm soát 30A-977.85;
- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận kiểm định số KC 3513007;
- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận kiểm định số KC 4262723;
- 01 (một) tờ Giấy chứng nhận kiểm định số KC 2106200.

(Các tang vật nêu trên được liệt kê theo Biên bản giao nhận tang, tài vật số 314/18 ngày 02/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra để khởi tố đối với Diệp Minh S, Đỗ Trung T1 theo đúng quy định của pháp luật.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo Trần Diệu C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Áp dụng khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Người có QL, NVLQ; (18)
- Người bào chữa; (2)
- THAHS; (2)
- P. PC 53 - CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (43) (6)

Ngô Ngọc Thắng